

Số: 3168/QĐ-ĐHNN

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp hệ đào tạo đại học chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Căn cứ Quyết định số 3568/QĐ-ĐHQGHN ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 2716/NQ-HĐT ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Ngoại ngữ về việc ban hành Quy định tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội

Căn cứ Quyết định số 5115/QĐ-ĐHQGHN ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về Quy chế đào tạo đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Biên bản cuộc họp xét tốt nghiệp ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng xét tốt nghiệp ban hành theo Quyết định số 829/QĐ-ĐHNN ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo và Người học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Cử nhân Ngoại ngữ hệ chính quy cho 495 sinh viên khóa QH2021.F1 đợt 1 tháng 6 năm 2025 (có danh sách kèm theo).

Ngành Sư phạm tiếng Anh	68 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Anh CLC TT23	84 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Nga	10 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Pháp CLC TT23	42 sinh viên
Ngành Sư phạm tiếng Trung Quốc	07 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc CLC TT23	82 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Đức CLC TT23	14 sinh viên
Ngành Sư phạm tiếng Nhật Bản	10 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Nhật Bản CLC TT23	55 sinh viên
Ngành Sư phạm tiếng Hàn Quốc	13 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc CLC TT23	97 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Ả Rập	13 sinh viên

Điều 2. Trường phòng Quản trị đại học, Trường phòng Đào tạo và Người học, Trường phòng Quản trị nguồn lực, Trường các khoa đào tạo, Trường các đơn vị liên quan và các sinh viên có tên tại điều 1 có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Như Điều 2 (để thực hiện);
- Lưu: QTĐH, ĐT&NH, Lh03.

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ.HIỆU TRƯỞNG

***Hà Lê Kim Anh**

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 3168 ngày 20/06/2025)

Khoá: QH.2021.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Sư phạm Tiếng Anh.

Mã ngành đào tạo: 7140231

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	21040675	Lê Phương Anh	18/11/2003	Nữ	Hà Nội	3.81	Xuất sắc	
2	21040715	Lê Thị Huyền Anh	24/09/2003	Nữ	Nghệ An	3.49	Giỏi	
3	21040716	Ngô Quỳnh Anh	16/09/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.62	Xuất sắc	
4	21040717	Nguyễn Diệu Anh	12/08/2003	Nữ	Hà Nội	3.78	Xuất sắc	
5	21040090	Phạm Thị Thục Anh	17/03/2003	Nữ	Hải Phòng	3.91	Xuất sắc	
6	21040523	Quách Đỗ Phương Anh	20/10/2003	Nữ	Bắc Giang	3.82	Xuất sắc	
7	21040462	Trần Hồng Anh	03/03/2003	Nữ	Nam Định	3.81	Xuất sắc	
8	21040601	Trần Thị Quỳnh Anh	19/05/2003	Nữ	Hải Phòng	3.65	Xuất sắc	
9	21040677	Vy Tâm Anh	15/10/2003	Nữ	Nghệ An	3.62	Xuất sắc	
10	21040065	Lâm Thị Kim Ánh	06/12/2003	Nữ	Nghệ An	3.77	Xuất sắc	
11	21040678	Nguyễn Minh Ánh	26/04/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.84	Xuất sắc	
12	21040679	Nguyễn Thị Ánh	04/04/2003	Nữ	Nghệ An	3.69	Xuất sắc	
13	21040720	Ly Thỏ Be	10/04/2003	Nữ	Lào Cai	3.49	Giỏi	
14	21040145	Hoàng Thị Bích	23/03/2003	Nữ	Hà Nội	3.86	Xuất sắc	
15	21040680	Vì Thị Bích	15/09/2003	Nữ	Nghệ An	3.60	Xuất sắc	
16	21040104	Dương Quỳnh Chi	31/08/2003	Nữ	Nghệ An	3.76	Xuất sắc	
17	21040364	Đồng Linh Chi	15/10/2003	Nữ	Hà Nội	3.85	Xuất sắc	
18	21040428	Trần Thảo Chi	25/03/2003	Nữ	Tuyên Quang	3.49	Giỏi	
19	21040682	Hoàng Khánh Duyên	01/11/2003	Nữ	Phú Thọ	3.63	Xuất sắc	
20	21040683	Lê Mỹ Duyên	20/11/2003	Nữ	Quảng Ninh	3.66	Xuất sắc	
21	21040141	Bùi Anh Đức	20/05/2002	Nam	Hà Nội	3.58	Giỏi	
22	21040106	Nguyễn Thị Hương Giang	15/10/2003	Nữ	Nghệ An	3.80	Xuất sắc	
23	21040457	Nguyễn Thị Linh Giang	21/04/2003	Nữ	Nghệ An	3.83	Xuất sắc	
24	21040684	Phạm Hồng Giang	15/11/2003	Nữ	Phú Thọ	3.68	Xuất sắc	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
25	21040685	Triệu Hương Giang	17/04/2003	Nữ	Cao Bằng	3.48	Giỏi	
26	21040686	Nguyễn Thu Hà	16/11/2003	Nữ	Phú Thọ	3.66	Xuất sắc	
27	21040687	Phan Hải Hà	16/06/2003	Nữ	Sơn La	3.45	Giỏi	
28	21040689	Trương Ngọc Hà	10/10/2003	Nữ	Bắc Giang	3.64	Xuất sắc	
29	21040450	Đỗ Thanh Hằng	05/04/2003	Nữ	Hà Nội	3.80	Xuất sắc	
30	21040694	Phạm Thị Thu Huyền	21/09/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.72	Xuất sắc	
31	21040695	Trần Thu Huyền	02/03/2003	Nữ	Lào Cai	3.67	Xuất sắc	
32	21040273	Sái Thiên Hương	24/11/2003	Nữ	Hà Nội	3.89	Xuất sắc	
33	21040697	Lý Hoàng Lan	10/07/2003	Nữ	Sơn La	3.72	Xuất sắc	
34	21040698	Đồng Ngọc Linh	16/10/2003	Nữ	Hà Giang	3.47	Giỏi	
35	21040700	Hoàng Ngọc Linh	09/05/2003	Nữ	Bắc Giang	3.29	Giỏi	
36	21040156	Hoàng Thùy Linh	05/06/2003	Nữ	Hà Tĩnh	3.76	Xuất sắc	
37	21040499	Lê Hà Linh	24/01/2003	Nữ	Hà Tĩnh	3.79	Xuất sắc	
38	21040537	Nguyễn Khánh Linh	15/06/2003	Nữ	Hà Nội	3.79	Xuất sắc	
39	20041304	Nguyễn Ngọc Linh	30/04/2002	Nữ	Hưng Yên	3.51	Giỏi	
40	21040139	Trịnh Phương Linh	15/02/2003	Nữ	Hà Nội	3.82	Xuất sắc	
41	21040723	Hà Kiều Ly	31/03/2003	Nữ	Phú Thọ	3.45	Giỏi	
42	21040724	Nguyễn Minh Lý	19/01/2003	Nữ	Tuyên Quang	3.42	Giỏi	
43	21040011	Bùi Thị Ngọc Minh	11/10/2003	Nữ	Quảng Ninh	3.48	Giỏi	
44	21040068	Võ Hiền Minh	16/09/2003	Nữ	Hà Tĩnh	3.85	Xuất sắc	
45	21040556	Lê Nhật Nam	13/07/2003	Nam	Hà Nội	3.75	Xuất sắc	
46	21040727	Ngô Thị Ngọc	15/08/2003	Nữ	Ninh Bình	3.41	Giỏi	
47	21040520	Nguyễn Lê Thảo Ngọc	13/11/2003	Nữ	Quảng Trị	3.84	Xuất sắc	
48	21040112	Nguyễn Minh Ngọc	14/06/2003	Nữ	Hải Phòng	3.62	Xuất sắc	
49	21040424	Nguyễn Minh Ngọc	12/05/2003	Nữ	Hà Nam	3.82	Xuất sắc	
50	21040703	Nguyễn Minh Ngọc	16/08/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.23	Giỏi	
51	21040425	Trần Hải Ngọc	01/07/2003	Nữ	Hải Phòng	3.68	Xuất sắc	
52	21040048	Nguyễn Hà Thảo Nguyên	15/12/2003	Nữ	Hải Phòng	3.69	Xuất sắc	
53	20040083	Bùi Mai Phương	05/09/2002	Nữ	Hà Nội	3.74	Xuất sắc	
54	21040704	Bùi Mai Phương	02/12/2003	Nữ	Hòa Bình	3.64	Xuất sắc	
55	21040410	Nguyễn Thị Thu Phương	23/08/2003	Nữ	Hải Phòng	3.78	Xuất sắc	
56	20040092	Vũ Thị Thu Phương	26/11/2002	Nữ	Hà Nam	3.77	Xuất sắc	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
57	21040044	Phạm Lê Hoàng Quyên	29/06/2003	Nữ	Hải Phòng	3.70	Xuất sắc	
58	21040060	Vương Tú Quyên	02/12/2003	Nữ	Nam Định	3.81	Xuất sắc	
59	21040729	Đặng Quỳnh Thơ	04/01/2003	Nữ	Hà Tĩnh	3.35	Giỏi	
60	21040564	Lê Thị Huyền Trang	27/08/2003	Nữ	Đắk Nông	3.79	Xuất sắc	
61	21040158	Trần Hữu Trung	02/12/2003	Nam	Quảng Nam	3.71	Xuất sắc	
62	21040063	Nguyễn Thị Anh Tú	15/09/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.78	Xuất sắc	
63	21040449	Phạm Anh Tú	10/02/2003	Nam	Hà Nội	3.86	Xuất sắc	
64	21041739	Nguyễn Lương Mỹ Uyên	30/06/2002	Nữ	Cao Bằng	3.43	Giỏi	
65	21040709	Nguyễn Thị Tú Uyên	30/05/2003	Nữ	Nghệ An	3.46	Giỏi	
66	21040711	Lương Thảo Vy	24/06/2003	Nữ	Cao Bằng	3.17	Khá	
67	21040712	Lý Tiểu Yến	20/06/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.27	Giỏi	
68	20040132	Nguyễn Hải Yến	05/08/2002	Nữ	Hà Nội	3.63	Xuất sắc	

Danh sách gồm: 68 sinh viên

Hà Nội, Ngày 20 tháng 6 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT TP ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 3168 ngày 20/06/2025)

Khoá: QH.2021.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh (Chất lượng cao)

Mã ngành đào tạo: 7220201CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	21040002	Nguyễn Thảo An	28/07/2003	Nữ	Nghệ An	3.61	Xuất sắc	
2	21040665	Nguyễn Thị Hoài An	17/01/2003	Nữ	Quảng Trị	3.50	Giỏi	
3	21040777	Bùi Thị Kim Anh	22/09/2003	Nữ	Hải Dương	3.51	Giỏi	
4	21040124	Lê Hải Anh	04/11/2003	Nữ	Hải Phòng	3.65	Xuất sắc	
5	21040784	Lê Kim Anh	05/11/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.72	Xuất sắc	
6	21040792	Nguyễn Phương Anh	03/11/2003	Nữ	Hà Nội	3.79	Xuất sắc	
7	21040996	Nguyễn Thúy Anh	01/11/2003	Nữ	Hải Phòng	3.87	Xuất sắc	
8	21040801	Phạm Thị Phương Anh	20/08/2003	Nữ	Hưng Yên	3.71	Xuất sắc	
9	21040802	Quản Tuấn Anh	01/11/2003	Nam	Tuyên Quang	3.69	Xuất sắc	
10	21040127	Trần Hải Anh	14/11/2003	Nữ	Phú Thọ	3.57	Giỏi	
11	21040059	Hoàng Nguyệt Ánh	03/11/2003	Nữ	Nam Định	3.74	Xuất sắc	
12	21040808	Giáp Ngọc Bích	25/09/2003	Nữ	Bắc Giang	3.64	Xuất sắc	
13	21040809	Nguyễn Thị Bình	10/07/2003	Nữ	Hải Phòng	3.62	Xuất sắc	
14	21040811	Đỗ Thị Linh Chi	17/01/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.47	Giỏi	
15	21040819	Nguyễn Chí Công	04/04/2003	Nam	Phú Thọ	3.42	Giỏi	
16	21040825	Lê Thị Thùy Dương	22/09/2003	Nữ	Tuyên Quang	3.64	Xuất sắc	
17	21040552	Nguyễn Triều Dương	24/12/2003	Nữ	Sơn La	3.59	Giỏi	
18	21040084	Trần Vũ Quý Dương	13/07/2003	Nam	Nam Định	3.48	Giỏi	
19	21040829	Lương Kim Hiểu Đan	23/07/2003	Nữ	Lào Cai	3.16	Khá	
20	21040833	Nguyễn Vũ Ngọc Đức	04/03/2003	Nam	Hà Nội	3.56	Giỏi	
21	21040272	Vũ Minh Đức	06/10/2003	Nam	Hà Nội	3.74	Xuất sắc	
22	21040244	Đỗ Hải Đường	03/01/2003	Nữ	Hà Nội	3.75	Xuất sắc	
23	21040033	Đỗ Hương Giang	11/10/2003	Nữ	Hải Phòng	3.88	Xuất sắc	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
24	21040459	Nguyễn Hương Giang	29/09/2003	Nữ	Thái Nguyên	3.50	Giỏi	
25	21040344	Lê Vũ Hà	02/04/2003	Nữ	Hải Phòng	3.70	Xuất sắc	
26	21040195	Nguyễn Thị Thu Hà	29/08/2003	Nữ	Thái Nguyên	3.76	Xuất sắc	
27	21040346	Phạm Ngân Hà	21/09/2003	Nữ	Hà Nội	3.64	Xuất sắc	
28	21041010	Bùi Thị Hạnh	16/09/2003	Nữ	Hải Dương	3.63	Xuất sắc	
29	21040049	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	29/12/2003	Nữ	Hải Phòng	3.85	Xuất sắc	
30	21041011	Hoàng Thu Hằng	20/06/2003	Nữ	Yên Bái	3.38	Giỏi	
31	21041012	Đinh Thị Thu Hiền	25/12/2003	Nữ	Phú Thọ	3.46	Giỏi	
32	21040854	Đoàn Thu Hiền	13/10/2003	Nữ	Hà Nội	3.80	Xuất sắc	
33	21040083	Nguyễn Hồng Hoa	06/09/2003	Nữ	Nam Định	3.67	Xuất sắc	
34	21040487	Nguyễn Việt Hoàng	24/05/2003	Nam	Hà Nội	3.74	Xuất sắc	
35	21040172	Khúc Thị Ánh Hồng	17/08/2003	Nữ	Hải Phòng	3.68	Xuất sắc	
36	21040868	Đồng Thị Khánh Huyền	04/04/2003	Nữ	Hải Dương	3.84	Xuất sắc	
37	21040869	Lâm Phương Huyền	23/04/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.78	Xuất sắc	
38	21041018	Lương Thị Thanh Hương	29/06/2003	Nữ	Quảng Ninh	3.76	Xuất sắc	
39	21040316	Nguyễn Nam Khánh	29/04/2003	Nam	Tp Hồ Chí Minh	3.53	Giỏi	
40	21040339	Đặng Nhật Hoàng Linh	05/10/2003	Nữ	Thái Nguyên	3.83	Xuất sắc	
41	21040258	Nguyễn Thị Mai Linh	11/04/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.42	Giỏi	
42	20040370	Trần Khánh Linh	10/08/2002	Nữ	Hải Dương	3.57	Giỏi	
43	21040899	Trương Mỹ Loan	14/08/2003	Nữ	Bắc Giang	3.55	Giỏi	
44	21040288	Hoàng Thanh Mai	27/02/2003	Nữ	Ninh Bình	3.69	Xuất sắc	
45	21041033	Lê Ngọc Mai	10/11/2003	Nữ	Nam Định	3.66	Xuất sắc	
46	21040157	Trần Thị Ngọc Mai	06/04/2003	Nữ	Ninh Bình	3.75	Xuất sắc	
47	21040910	Nguyễn Đình Nhật Minh	02/07/2003	Nữ	Hà Nội	3.81	Xuất sắc	
48	21040912	Lê Vũ Hải My	30/09/2003	Nữ	Hà Nội	3.69	Xuất sắc	
49	21040540	Đỗ Thu Ngân	26/10/2003	Nữ	Hà Nội	3.66	Xuất sắc	
50	21040915	Nguyễn Hữu Hà Ngân	19/04/2003	Nữ	Hải Dương	3.42	Giỏi	
51	21041037	Nguyễn Thị Thu Ngân	02/12/2003	Nữ	Hà Nội	3.55	Giỏi	
52	21041039	Nguyễn Bảo Ngọc	22/02/2003	Nữ	Thái Nguyên	3.74	Xuất sắc	
53	21040343	Nguyễn Bích Ngọc	21/03/2003	Nữ	Hải Phòng	3.65	Xuất sắc	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
54	20040416	Nguyễn Hồng Ngọc	01/06/2002	Nữ	Yên Bái	3.28	Giỏi	
55	21040486	Nguyễn Minh Ngọc	08/12/2003	Nữ	Hà Nội	3.70	Xuất sắc	
56	21040918	Nguyễn Minh Ngọc	06/12/2003	Nữ	Hải Phòng	3.62	Xuất sắc	
57	21041042	Nguyễn Thị Hoài Ngọc	05/04/2003	Nữ	Hải Dương	3.44	Giỏi	
58	21040151	Trần Hồng Ngọc	31/10/2003	Nữ	Nam Định	3.60	Xuất sắc	
59	21040920	Võ Thị Minh Ngọc	27/04/2003	Nữ	Nghệ An	3.82	Xuất sắc	
60	21040350	Triệu Lan Nhi	13/10/2003	Nữ	Lào Cai	3.66	Xuất sắc	
61	21040493	Mai Thị Phương	09/04/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.43	Giỏi	
62	21040189	Nguyễn Thị Mai Phương	24/11/2003	Nữ	Hải Dương	3.67	Xuất sắc	
63	21040930	Nguyễn Xuân Phương	26/03/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.51	Giỏi	
64	21041051	Phạm Thị Như Quỳnh	06/10/2003	Nữ	Ninh Bình	3.65	Xuất sắc	
65	21040513	Hoàng Minh Tâm	05/12/2003	Nữ	Hải Phòng	3.72	Xuất sắc	
66	21041056	Hoàng Thanh Tâm	28/08/2003	Nữ	Lạng Sơn	3.39	Giỏi	
67	21040942	Nguyễn Thái Thanh	30/07/2003	Nữ	Nam Định	3.53	Giỏi	
68	21040941	Nguyễn Thị Phương Thanh	28/06/2003	Nữ	Ninh Bình	3.50	Giỏi	
69	21040401	Lê Phương Thảo	17/06/2003	Nữ	Hà Nội	3.47	Giỏi	
70	21041058	Ngô Phương Thảo	21/08/2003	Nữ	Yên Bái	3.53	Giỏi	
71	21040490	Nguyễn Phương Thảo	29/07/2003	Nữ	Nghệ An	3.56	Giỏi	
72	21040951	Bùi Hoàng Thiên	16/12/2003	Nam	Hà Nội	3.54	Giỏi	
73	21041066	Lương Thị Phương Thúy	20/05/2003	Nữ	Phú Thọ	3.71	Xuất sắc	
74	21040953	Nguyễn Thị Anh Thư	11/09/2003	Nữ	Hà Giang	3.28	Giỏi	
75	21040957	Nguyễn Thị Thương	20/10/2003	Nữ	Nghệ An	3.45	Giỏi	
76	21040663	Nguyễn Đức Tiến	25/04/2003	Nam	Hà Nội	3.55	Giỏi	
77	21040382	Bùi Quỳnh Trang	14/12/2003	Nữ	Hà Nội	3.56	Giỏi	
78	21041073	Đoàn Thị Quỳnh Trang	15/01/2003	Nữ	Phú Thọ	3.56	Giỏi	
79	21041074	Lương Thị Thủy Trang	11/10/2003	Nữ	Lạng Sơn	3.47	Giỏi	
80	21040965	Nguyễn Quỳnh Trang	02/07/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.61	Xuất sắc	
81	21040970	Đàm Ngọc Trí	21/01/2003	Nam	Bắc Ninh	3.63	Xuất sắc	
82	21040986	Phạm Thị Phú Xuân	26/12/2003	Nữ	Vũng Tàu	3.59	Giỏi	
83	21040987	Đinh Thu Yến	20/04/2003	Nữ	Hòa Bình	3.46	Giỏi	
84	21040990	Nguyễn Hải Yến	27/03/2003	Nữ	Quảng Ninh	3.64	Xuất sắc	

Danh sách gồm: 84 sinh viên

Hà Nội, Ngày 20 tháng 6 năm 2025

**TL. HIỆU TRƯỞNG
KT TP ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC**



Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 3168 ngày 20/06/2025)

Khóa: QH.2021.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Nga

Mã ngành đào tạo: 7220202

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	21041082	Nguyễn Hải Anh	19/08/2003	Nữ	Hà Nội	2.93	Khá	
2	21041124	Trần Thị Quỳnh Anh	02/02/2003	Nữ	Hải Dương	2.60	Khá	
3	21041126	Bùi Thị Diệu	20/03/2003	Nữ	Ninh Bình	2.59	Khá	
4	20041485	Lê Huy Đạt	13/06/2002	Nam	Hải Dương	2.53	Khá	
5	21041091	Nguyễn Thị Thu Hằng	26/11/2003	Nữ	Phú Thọ	2.40	Trung Bình	
6	21041096	Nguyễn Phương Linh	14/11/2003	Nữ	Thái Bình	2.83	Khá	
7	21041138	Phạm Thị Long	14/12/2003	Nữ	Hưng Yên	3.47	Giỏi	
8	21041109	Vũ Thu Trà	04/07/2003	Nữ	Quảng Ninh	2.89	Khá	
9	21041119	Bùi Việt Phương Uyên	05/07/2003	Nữ	Nam Định	3.62	Xuất sắc	
10	21041114	Nguyễn Ngọc Vân	12/11/2003	Nữ	Hà Nội	3.30	Giỏi	

Danh sách gồm: 10 sinh viên

Hà Nội, Ngày 20 tháng 6 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT TP ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 3168 ngày 20/06/2025)

Khóa: QH.2021.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Pháp (Chất lượng cao)

Mã ngành đào tạo: 7220203CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	21041207	Đoàn Thị Ngọc Anh	16/10/2003	Nữ	Thái Bình	3.50	Giỏi	
2	21041208	Lê Ngọc Anh	27/08/2003	Nữ	Hà Nội	3.35	Giỏi	
3	21041152	Nguyễn Phương Anh	13/01/2003	Nữ	Hà Nội	3.48	Giỏi	
4	21041155	Trần Trúc Quỳnh Anh	17/01/2003	Nữ	Thái Bình	3.59	Giỏi	
5	21041156	Vũ Mai Anh	11/02/2003	Nữ	Thái Bình	3.02	Khá	
6	19041098	Vũ Hải Âu	25/08/2001	Nam	Hà Nội	3.49	Giỏi	
7	20040635	Đinh Ngọc Mai Chi	23/02/2002	Nữ	Hưng Yên	3.35	Giỏi	
8	21041159	Vũ Kim Chi	28/08/2003	Nữ	Hà Nam	3.29	Giỏi	
9	21040508	Lê Thùy Dung	31/10/2003	Nữ	Hà Nội	3.01	Khá	
10	21041211	Nguyễn Thùy Dung	12/07/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.36	Giỏi	
11	21041212	Vũ Thị Hà Giang	24/12/2003	Nữ	Hòa Bình	3.51	Giỏi	
12	20040646	Hoàng Việt Hà	29/01/2002	Nữ	Bắc Giang	3.75	Xuất sắc	
13	21041213	Phạm Ngân Hà	30/09/2003	Nữ	Hà Nội	3.58	Giỏi	
14	20041743	Nguyễn Văn Hiền	28/01/1992	Nam	Thái Nguyên	3.77	Xuất sắc	
15	21041214	Nguyễn Ngọc Hiếu	11/10/2003	Nam	Hải Phòng	3.50	Giỏi	
16	21041215	Nguyễn Thị Mỹ Hoa	22/07/2003	Nữ	Phú Thọ	3.26	Giỏi	
17	21041167	Nguyễn Thị Hòa	14/09/2003	Nữ	Thanh Hóa	2.91	Khá	
18	21040421	Nguyễn Đức Hùng	06/08/2003	Nam	Vĩnh Phúc	3.00	Khá	
19	21041172	Hoàng Thị Hương	13/06/2003	Nữ	Hà Nội	3.22	Giỏi	
20	21041173	Nguyễn Diệu Hương	18/11/2003	Nữ	Phú Thọ	3.22	Giỏi	
21	21041220	Nguyễn Thị Ngọc Lan	22/06/2003	Nữ	Hải Phòng	3.31	Giỏi	
22	21040278	Nguyễn Mai Linh	04/06/2003	Nữ	Hà Nội	3.41	Giỏi	
23	20040697	Phạm Nguyễn Khánh Linh	17/09/2002	Nữ	Hà Nội	3.41	Giỏi	
24	21041179	Thang Gia Linh	24/04/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.70	Xuất sắc	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
25	21041223	Trần Phương Linh	23/07/2003	Nữ	Hà Nội	3.37	Giỏi	
26	21041224	Trần Thùy Linh	24/02/2003	Nữ	Hà Nội	3.26	Giỏi	
27	21041226	Ngô Thị Ngọc Mai	01/09/2003	Nữ	Hải Phòng	3.16	Khá	
28	21040021	Nguyễn Hoàng Ngân	20/07/2003	Nữ	Hải Phòng	3.62	Xuất sắc	
29	21041187	Lưu Thị Minh Nhi	13/11/2003	Nữ	Thái Bình	3.47	Giỏi	
30	21040256	Nguyễn Hồng Nhung	01/04/2003	Nữ	Hải Phòng	3.44	Giỏi	
31	21041233	Phạm Thị Phương Quế	12/11/2003	Nữ	Hải Dương	3.21	Giỏi	
32	21041190	Nguyễn Thị Bích Quyên	30/10/2003	Nữ	Hà Nội	3.40	Giỏi	
33	21041191	Nguyễn Tiến Thanh	13/09/2003	Nam	Hà Nội	3.31	Giỏi	
34	21041192	Trần Thị Thanh	19/12/2003	Nữ	Hà Nội	3.34	Giỏi	
35	21040131	Hoàng Minh Thu	30/03/2003	Nữ	Cao Bằng	2.86	Khá	
36	21041196	Phùng Đức Toàn	31/07/2003	Nam	Phú Thọ	3.01	Khá	
37	21041236	Đào Thị Quỳnh Trang	15/01/2003	Nữ	Gia Lai	3.21	Giỏi	
38	21041238	Nguyễn Thu Trang	13/05/2003	Nữ	Phú Thọ	2.92	Khá	
39	21041201	Nguyễn Thị Kim Tuyền	10/12/2003	Nữ	Vĩnh Phúc	3.26	Giỏi	
40	21041242	Nguyễn Mai Tuyết	22/10/2003	Nữ	Phú Thọ	3.52	Giỏi	
41	21041202	Đào Quang Vinh	18/03/2003	Nam	Tuyên Quang	3.07	Khá	
42	21041245	Bùi Thị Yến	19/12/2003	Nữ	Hải Phòng	3.38	Giỏi	

Danh sách gồm: 42 sinh viên

Hà Nội, Ngày 20 tháng 6 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT TP ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC



Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 3168 ngày 20/06/2025)

Khóa: QH.2021.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Sư phạm Tiếng Trung Quốc.

Mã ngành đào tạo: 7140234

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	21040733	Lê Minh Hoài Linh	25/01/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.54	Giỏi	
2	21040740	Hoàng Văn Mạnh	13/02/2003	Nam	Lạng Sơn	3.75	Xuất sắc	
3	21040736	Hoàng Thị Mận	23/01/2003	Nữ	Lai Châu	3.76	Xuất sắc	
4	21040734	Nguyễn Thị Nhân	01/04/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.70	Xuất sắc	
5	21040741	Nguyễn Phương Thảo	06/03/2003	Nữ	Hà Nam	3.35	Giỏi	
6	21040742	Nguyễn Thị Thùy Trang	21/09/2003	Nữ	Phú Thọ	3.51	Giỏi	
7	21040221	Phạm Thu Trang	14/09/2003	Nữ	Hải Phòng	3.82	Xuất sắc	

Danh sách gồm: 7 sinh viên

Hà Nội, Ngày 20 tháng 6 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT TP ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 3168 ngày 20/06/2025)

Khoá: QH.2021.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc (Chất lượng cao) Mã ngành đào tạo: 7220204CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	21041247	Bùi Mai Anh	12/08/2003	Nữ	Tuyên Quang	3.80	Xuất sắc	
2	21041248	Đàm Nguyễn Quế Anh	30/10/2003	Nữ	Bắc Kạn	3.48	Giỏi	
3	21040467	Đỗ Thị Lan Anh	06/04/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.47	Giỏi	
4	21040673	Mai Thảo Anh	29/06/2003	Nữ	Bắc Giang	3.78	Xuất sắc	
5	20040133	Phạm Thị Mai Anh	20/11/2002	Nữ	Bắc Ninh	3.25	Giỏi	
6	21041250	Vũ Phương Anh	16/04/2003	Nữ	Thái Bình	3.41	Giỏi	
7	21040509	Lê Minh Ánh	06/10/2003	Nữ	Hà Nội	3.34	Giỏi	
8	20040185	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	01/02/2002	Nữ	Hải Phòng	3.36	Giỏi	
9	21041307	Lê Huyền Chi	02/08/2003	Nữ	Hà Nam	3.28	Giỏi	
10	21041252	Nguyễn Linh Chi	07/03/2003	Nữ	Hà Tĩnh	3.51	Giỏi	
11	21041308	Nguyễn Quỳnh Chi	20/08/2003	Nữ	Hà Nội	3.59	Giỏi	
12	21040233	Nguyễn Thị Quế Chi	23/08/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.52	Giỏi	
13	21041309	Phạm Thị Chuyên	27/06/2003	Nữ	Hải Dương	3.49	Giỏi	
14	21041253	Phan Thị Diễm	03/11/2003	Nữ	Hưng Yên	3.81	Xuất sắc	
15	21040205	Nguyễn Lê Huyền Diệu	12/11/2003	Nữ	Nghệ An	3.21	Giỏi	
16	21041310	Tạ Thị Thanh Diệu	13/10/2003	Nữ	Ninh Bình	3.82	Xuất sắc	
17	21041254	Đinh Thị Thùy Dung	26/11/2003	Nữ	Ninh Bình	3.32	Giỏi	
18	21041255	Hà Thị Mỹ Dung	06/09/2003	Nữ	Vĩnh Phúc	3.56	Giỏi	
19	21041311	Lưu Kim Dung	21/05/2003	Nữ	Thái Nguyên	3.35	Giỏi	
20	21040056	Nguyễn Kiều Dung	11/02/2003	Nữ	Nghệ An	3.59	Giỏi	
21	21041256	Chu Thùy Dương	25/02/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.36	Giỏi	
22	21040047	Nguyễn Thị Thuý Dương	06/06/2003	Nữ	Hải Phòng	3.38	Giỏi	
23	21041257	Nguyễn Vũ Nhật Dương	27/02/2003	Nam	Phú Thọ	3.64	Xuất sắc	
24	21041259	Đinh Thị Ninh Giang	04/07/2003	Nữ	Nam Định	3.72	Xuất sắc	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
25	21040349	Nguyễn Châu Giang	04/08/2003	Nữ	Điện Biên	3.20	Giỏi	
26	21041261	Hoàng Thị Thu Hà	30/06/2003	Nữ	Nam Định	3.46	Giỏi	
27	21041313	Vũ Nhật Hà	30/10/2003	Nữ	Hải Dương	3.35	Giỏi	
28	21041314	Nguyễn Ngọc Hải	30/04/2003	Nam	Bắc Ninh	3.18	Khá	
29	21041263	Trần Đài Bảo Hân	21/03/2003	Nữ	Hà Tĩnh	3.45	Giỏi	
30	21040194	Đỗ Thị Thu Hiền	24/09/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.63	Xuất sắc	
31	21040180	Vũ Trung Hiếu	17/02/2003	Nam	Hải Dương	3.21	Giỏi	
32	21041317	Nguyễn Thị Thu Hồng	13/07/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.30	Giỏi	
33	20040778	Nguyễn Ngọc Huyền	10/12/2002	Nữ	Vĩnh Phúc	3.42	Giỏi	
34	21041319	Nguyễn Thị Khánh Huyền	02/06/2001	Nữ	Lai Châu	3.35	Giỏi	
35	21041264	Hồ Thị Thu Hương	04/03/2003	Nữ	Bắc Giang	3.53	Giỏi	
36	21040447	Nguyễn Thu Hương	08/04/2003	Nữ	Hà Nội	3.17	Khá	
37	20040782	Cù Nguyễn Văn Khánh	01/12/2002	Nữ	Hà Nam	3.65	Xuất sắc	
38	21041265	Trịnh Ngọc Minh Khuê	07/12/2003	Nữ	Hà Nội	3.73	Xuất sắc	
39	21040041	Hoàng Linh Kiều	12/04/2003	Nữ	Tuyên Quang	3.58	Giỏi	
40	21041322	Hà Thị Kiều Linh	08/06/2003	Nữ	Vĩnh Phúc	3.40	Giỏi	
41	21041267	Hoàng Chu Khánh Linh	09/08/2003	Nữ	Bắc Giang	3.37	Giỏi	
42	21041268	Hoàng Thị Diệu Linh	01/09/2003	Nữ	Lạng Sơn	3.72	Xuất sắc	
43	21041269	Lê Thị Ánh Linh	21/03/2002	Nữ	Hà Nam	2.92	Khá	
44	21041324	Nguyễn Thị Mai Linh	01/08/2003	Nữ	Hà Tĩnh	3.14	Khá	
45	20040789	Nguyễn Thị Thùy Linh	12/09/2002	Nữ	Hà Nội	3.54	Giỏi	
46	21041270	Trần Khánh Linh	14/12/2003	Nữ	Bắc Giang	3.52	Giỏi	
47	21041325	Phạm Phương Mai	17/09/2003	Nữ	Hà Nam	3.86	Xuất sắc	
48	21040481	Nguyễn Thanh Mẫn	13/05/2003	Nữ	Hà Nội	3.70	Xuất sắc	
49	21040210	Đoàn Thị Nga	26/04/2003	Nữ	Lào Cai	3.50	Giỏi	
50	21041275	Mai Thanh Nga	19/10/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.53	Giỏi	
51	21041276	Tào Thị Nga	23/12/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.37	Giỏi	
52	20040803	Vũ Thanh Ngà	31/12/2002	Nữ	Bắc Ninh	3.30	Giỏi	
53	21041277	Ngô Quỳnh Ngân	15/12/2003	Nữ	Thái Nguyên	3.74	Xuất sắc	
54	21041326	Nguyễn Hoàng Ngân	10/10/2003	Nữ	Thái Bình	3.29	Giỏi	
55	21040029	Nguyễn Trúc Ngân	26/07/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.74	Xuất sắc	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
56	21040395	Vũ Nguyễn Hải Ngân	03/08/2003	Nữ	Hải Phòng	3.27	Giỏi	
57	21041279	Phạm Hồng Nhung	29/09/2003	Nữ	Thái Bình	3.36	Giỏi	
58	21041280	Trần Thị Nhung	09/07/2003	Nữ	Bắc Giang	3.36	Giỏi	
59	21040154	Nguyễn Thị Hồng Oanh	24/10/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.61	Xuất sắc	
60	21040242	Đỗ Hà Phương	28/08/2003	Nữ	Lào Cai	3.37	Giỏi	
61	21041329	Nguyễn Thị Thu Phương	07/06/2003	Nữ	Thái Bình	3.62	Xuất sắc	
62	21040052	Nguyễn Trần Hà Phương	02/06/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.00	Khá	
63	21040050	Trần Ngọc Thục Quyên	04/06/2003	Nữ	Hà Nội	3.41	Giỏi	
64	21041281	Vũ Hồng Quyên	14/07/2003	Nữ	Hà Nội	3.84	Xuất sắc	
65	21041303	Đỗ Thị Hương Quỳnh	07/12/2003	Nữ	Lai Châu	3.37	Giỏi	
66	20041076	Nguyễn Thị Thu Quỳnh	03/11/2002	Nữ	Hà Nội	2.73	Khá	
67	21041334	Hoàng Thị Thanh Thảo	16/07/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.30	Giỏi	
68	21041286	Nguyễn Thị Thảo	30/09/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.61	Xuất sắc	
69	21040209	Nguyễn Thị Phương Thảo	29/03/2003	Nữ	Nghệ An	3.28	Giỏi	
70	21041285	Nguyễn Thị Thanh Thảo	30/10/2003	Nữ	Hải Dương	3.48	Giỏi	
71	21041287	Trần Phương Thảo	21/09/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.63	Xuất sắc	
72	21041288	Vũ Nguyễn Hiếu Thảo	22/02/2003	Nữ	Lai Châu	3.27	Giỏi	
73	21041291	Nguyễn Thị Minh Thủy	26/10/2003	Nữ	Nam Định	3.45	Giỏi	
74	21041292	Phạm Linh Thư	11/08/2003	Nữ	Nam Định	3.40	Giỏi	
75	20041568	Nguyễn Thùy Tiên	20/11/2002	Nữ	Thanh Hóa	3.51	Giỏi	
76	21041337	Giang Quỳnh Trang	04/05/2003	Nữ	Hà Nội	3.85	Xuất sắc	
77	21041294	Vũ Thị Quỳnh Trang	14/02/2002	Nữ	Ninh Bình	3.32	Giỏi	
78	21040472	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	02/12/2003	Nữ	Hà Nội	3.15	Khá	
79	21040416	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	10/09/2003	Nữ	Thái Bình	3.54	Giỏi	
80	21041296	Bùi Khánh Vân	21/11/2003	Nữ	Thanh Hóa	2.90	Khá	
81	21040016	Võ Cao Đan Vy	24/02/2003	Nữ	Hải Phòng	3.32	Giỏi	
82	21041342	Nguyễn Hồng Yến	25/11/2003	Nữ	Thái Nguyên	3.40	Giỏi	

Danh sách gồm: 82 sinh viên

Hà Nội, Ngày 20 tháng 6 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT TP ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC



Trang 3

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 3168 ngày 20/06/2025)

Khóa: QH.2021.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Đức (Chất lượng cao)

Mã ngành đào tạo: 7220205CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	19041392	Lê Thị Tú Anh	11/10/2001	Nữ	Hà Nội	3.23	Giỏi	
2	21041348	Thái Thục Băng	28/03/2003	Nữ	Gia Lai	3.44	Giỏi	
3	21041424	Nguyễn Thị Danh	11/04/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.46	Giỏi	
4	20041581	Nguyễn Ngọc Dung	14/06/2002	Nữ	Hà Nội	3.44	Giỏi	
5	20040905	Trần Hoàng Lan	10/01/2002	Nữ	Hà Nội	3.35	Giỏi	
6	21041408	Nguyễn Khoa Diệu Linh	06/02/2003	Nữ	Nam Định	3.27	Giỏi	
7	21041365	Tạ Thị Khánh Linh	05/11/2003	Nữ	Bắc Giang	3.39	Giỏi	
8	21041367	Trịnh Gia Linh	10/12/2003	Nữ	Hà Nội	3.49	Giỏi	
9	21041416	Trần Phương Ngân	27/10/2003	Nữ	Nam Định	3.28	Giỏi	
10	19041449	Nguyễn Bảo Ngọc	13/04/2001	Nữ	Hà Nội	3.30	Giỏi	
11	21041420	Bùi Thị Hương Sen	13/10/2003	Nữ	Nghệ An	3.38	Giỏi	
12	21041380	Nguyễn Thị Bích Thảo	14/04/2003	Nữ	Hung Yên	3.32	Giỏi	
13	21041388	Nguyễn Thu Trang	21/01/2003	Nữ	Hà Nội	3.63	Xuất sắc	
14	21041392	Đổng Thị Hà Vy	19/09/2003	Nữ	Hà Nội	3.05	Khá	

Danh sách gồm: 14 sinh viên

Hà Nội, Ngày 20 tháng 6 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT TP ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 3168 ngày 20/06/2025)

Khóa: QH.2021.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Sư phạm Tiếng Nhật Bản.

Mã ngành đào tạo: 7140236

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	21040750	Trương Hà Hải Anh	05/03/2003	Nữ	Hà Nội	3.55	Giỏi	
2	21040746	Hoàng Thị Hương Dung	04/12/2003	Nữ	Nghệ An	3.57	Giỏi	
3	21040751	Lưu Phương Đông	27/02/2001	Nữ	Hà Nội	3.23	Giỏi	
4	21040752	Trần Minh Đức	11/02/2003	Nam	Nam Định	3.31	Giỏi	
5	21040747	Nguyễn Mai Hương	04/09/2003	Nữ	Hải Dương	3.27	Giỏi	
6	21040754	Nguyễn Hương Lan	25/03/2003	Nữ	Hà Nội	3.52	Giỏi	
7	21040748	Nguyễn Thị Trà My	23/11/2002	Nữ	Bắc Giang	3.29	Giỏi	
8	21040650	Nguyễn Thị Thu Ngân	27/08/2003	Nữ	Bình Phước	3.47	Giỏi	
9	21040756	Trần Bảo Ngọc	14/11/2003	Nữ	Tuyên Quang	3.24	Giỏi	
10	20040953	Đào Thị Hồng Nhung	10/04/2002	Nữ	Hải Dương	3.81	Xuất sắc	

Danh sách gồm: 10 sinh viên

Hà Nội, Ngày 20 tháng 6 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT TP ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 3168 ngày 20/06/2025)

Khóa: QH.2021.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Nhật (Chất lượng cao)

Mã ngành đào tạo: 7220209CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	21040218	Lê Thị Phương Anh	20/07/2003	Nữ	Hải Dương	3.36	Giỏi	
2	20040086	Nguyễn Mai Anh	08/12/2002	Nữ	Hà Nội	3.72	Xuất sắc	
3	21041498	Nguyễn Phương Anh	04/12/2003	Nữ	Tuyên Quang	3.58	Giỏi	
4	21041430	Nguyễn Thị Ngọc Anh	17/10/2003	Nữ	Hải Phòng	3.58	Giỏi	
5	20040131	Phạm Quỳnh Anh	13/06/2002	Nữ	Hải Phòng	3.38	Giỏi	
6	21041432	Cần Thị Thanh Bình	26/11/2003	Nữ	Hà Nội	3.52	Giỏi	
7	21041433	Nguyễn Thanh Bình	22/11/2003	Nữ	Vĩnh Phúc	3.47	Giỏi	
8	20040997	Nguyễn Vũ Minh Châu	10/12/2002	Nữ	Hà Nội	3.65	Xuất sắc	
9	20040999	Hoàng Thị Mai Chi	16/10/2002	Nữ	Bắc Giang	3.30	Giỏi	
10	20040235	Nguyễn Hoàng Khánh Chi	28/08/2002	Nữ	Hà Nội	3.82	Xuất sắc	
11	21040315	Nguyễn Mai Chi	19/02/2001	Nữ	Phú Thọ	3.48	Giỏi	
12	20040286	Hoàng Thị Dịu	11/04/2002	Nữ	Hưng Yên	3.67	Xuất sắc	
13	21041434	Phạm Thùy Dung	19/04/2003	Nữ	Bắc Giang	3.52	Giỏi	
14	21040554	Nguyễn Minh Đức	22/06/2003	Nam	Lai Châu	3.47	Giỏi	
15	21041439	Trương Thị Thu Giang	23/01/2003	Nữ	Hà Nam	3.39	Giỏi	
16	20041006	Phạm Thị Hân	01/02/2002	Nữ	Gia Lai	3.44	Giỏi	
17	20041007	Đỗ Hiền Hậu	30/05/2002	Nữ	Hưng Yên	3.70	Xuất sắc	
18	21041759	Nguyễn Minh Hoàng	02/11/1996	Nam	Hà Tĩnh	2.98	Khá	
19	20041019	Trần Thanh Huyền	18/11/2002	Nữ	Hà Nội	3.64	Xuất sắc	
20	21040277	Vy Châu Khanh	17/11/2002	Nữ	Hà Nội	3.57	Giỏi	
21	21041448	Phạm Minh Khuê	21/12/2003	Nữ	Hà Nội	3.52	Giỏi	
22	21040527	Trần Lại Thái Kiên	28/10/2003	Nam	Phú Thọ	3.51	Giỏi	
23	21041520	Phan Nhật Lệ	16/08/2003	Nữ	Vĩnh Phúc	3.47	Giỏi	
24	21040445	Nguyễn Phương Liên	21/06/2003	Nữ	Hà Nội	3.69	Xuất sắc	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
25	20041040	Phạm Thùy Linh	29/04/1994	Nữ	Hà Nội	3.88	Xuất sắc	
26	21041456	Nguyễn Thị Thanh Loan	27/08/2003	Nữ	Hà Nội	3.74	Xuất sắc	
27	21041525	Phan Thị Loan	12/09/2003	Nữ	Vĩnh Phúc	3.63	Xuất sắc	
28	20041044	Đỗ Ngọc Mai	29/06/2002	Nữ	Hải Dương	3.83	Xuất sắc	
29	21040082	Nguyễn Lê Hiền Mai	26/09/2003	Nữ	Phú Thọ	3.46	Giỏi	
30	21041460	Vũ Thị Quỳnh Mai	16/07/2003	Nữ	Hải Dương	3.60	Xuất sắc	
31	21041531	Hồ Thị Thúy Ngân	07/08/2003	Nữ	Nghệ An	3.53	Giỏi	
32	20041060	Lê Bích Ngọc	27/12/2001	Nữ	Hà Nội	3.53	Giỏi	
33	21040309	Vũ Minh Ngọc	05/10/2003	Nữ	Hà Nội	3.73	Xuất sắc	
34	20041064	Đỗ Kiều Oanh	27/03/2002	Nữ	Hà Nội	3.78	Xuất sắc	
35	21040341	Phan Thị Hà Phương	08/01/2003	Nữ	Hải Phòng	3.45	Giỏi	
36	20041628	Phạm Nguyên Phương	06/01/2002	Nữ	Hải Dương	3.66	Xuất sắc	
37	20041077	Nguyễn Thị Quỳnh	16/11/2002	Nữ	Hà Nội	3.87	Xuất sắc	
38	21040631	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	08/10/2003	Nữ	Hải Phòng	3.70	Xuất sắc	
39	20041080	Nguyễn Thị Sim	03/11/2002	Nữ	Hưng Yên	3.72	Xuất sắc	
40	20041739	Đặng Thanh Sơn	12/05/1997	Nam	Bình Định	3.87	Xuất sắc	
41	21041538	Trần Thị Tâm	10/07/2003	Nữ	Thái Bình	3.55	Giỏi	
42	21041539	Mai Trọng Tân	15/08/2003	Nam	Hải Phòng	3.44	Giỏi	
43	21040101	Nguyễn Thị Phương Thanh	04/08/2003	Nữ	Nam Định	3.48	Giỏi	
44	21040260	Bùi Thị Thanh Thảo	18/01/2003	Nữ	Hải Phòng	3.59	Giỏi	
45	19041631	Vũ Thị Phương Thảo	07/09/2001	Nữ	Hà Nội	3.25	Giỏi	
46	21041540	Trần Văn Thế	13/05/2003	Nam	Nam Định	3.42	Giỏi	
47	21041757	Hoàng Đình Thịnh	10/06/1996	Nam	Bắc Ninh	3.03	Khá	
48	21041547	Nguyễn Thu Trang	11/11/2003	Nữ	Yên Bái	3.77	Xuất sắc	
49	20041100	Vũ Khánh Trang	02/07/2002	Nữ	Lạng Sơn	3.73	Xuất sắc	
50	21040126	Phạm Đăng Trọng	30/01/2003	Nam	Hà Nội	3.66	Xuất sắc	
51	20041105	Nguyễn Hương Tú	13/11/2002	Nữ	Phú Thọ	3.55	Giỏi	
52	20041320	Đinh Minh Tuấn	05/12/2002	Nam	Phú Thọ	3.63	Xuất sắc	
53	21040491	Đoàn Thị Vân	16/03/2003	Nữ	Hải Phòng	3.80	Xuất sắc	
54	21041755	Đỗ Anh Vũ	22/10/1987	Nam	Bắc Giang	3.15	Khá	
55	21040118	Nguyễn Thị Hải Yến	01/01/2003	Nữ	Thái Bình	3.68	Xuất sắc	

Danh sách gồm: 55 sinh viên

Hà Nội, Ngày 20 tháng 6 năm 2025

**TL. HIỆU TRƯỞNG
KT TP ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC**



Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 3168 ngày 20/06/2025)

Khóa: QH.2021.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Sư phạm Tiếng Hàn Quốc

Mã ngành đào tạo: 7140237

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	21040759	Nguyễn Thị Phương Anh	04/09/2002	Nữ	Bắc Ninh	3.70	Xuất sắc	
2	21040287	Nguyễn Minh Chi	27/11/2003	Nữ	Hà Nội	3.59	Giỏi	
3	21040760	Phạm Thị Mai Hạnh	21/04/2003	Nữ	Bắc Giang	3.49	Giỏi	
4	21040767	Nguyễn Quang Nhật	05/10/2003	Nam	Hà Nam	3.36	Giỏi	
5	21040768	Triệu Phương Nhi	23/12/2003	Nữ	Bình Phước	3.49	Giỏi	
6	21040769	Lê Hồng Nhung	07/12/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.47	Giỏi	
7	21040228	Nguyễn Thị Hồng Nhung	08/03/2003	Nữ	Nam Định	3.29	Giỏi	
8	21040310	Lê Kim Quý	07/10/2003	Nam	Hà Nội	3.83	Xuất sắc	
9	21040770	Bùi Phương Thuận	27/01/2003	Nữ	Hà Nội	3.31	Giỏi	
10	21040762	Hà Thị Thủy	26/02/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.69	Xuất sắc	
11	21040178	Nguyễn Thu Trang	17/04/2003	Nữ	Hải Dương	3.53	Giỏi	
12	21040763	Hà Đan Trường	22/08/2003	Nam	Thanh Hóa	3.10	Khá	
13	21040771	Lưu Nhật Uyên	11/11/2003	Nữ	Vĩnh Phúc	3.56	Giỏi	

Danh sách gồm: 13 sinh viên

Hà Nội, Ngày 20 tháng 6 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT TP ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 3168 ngày 20/06/2025)

Khóa: QH.2021.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Hàn Quốc (Chất lượng cao) Mã ngành đào tạo: 7220210CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	21041558	Hạ Thị Trung Anh	02/12/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.76	Xuất sắc	
2	21040066	Hoàng Mai Anh	24/11/2003	Nữ	Nghệ An	3.34	Giỏi	
3	21041559	Lê Hải Anh	25/07/2003	Nữ	Hải Dương	3.48	Giỏi	
4	21041560	Lê Thị Hồng Anh	19/09/2003	Nữ	Hà Nội	3.23	Giỏi	
5	21041561	Lê Thị Trung Anh	10/03/2003	Nữ	Hung Yên	3.34	Giỏi	
6	21041562	Nguyễn Hoàng Diệu Anh	15/08/2003	Nữ	Thái Nguyên	3.79	Xuất sắc	
7	21041563	Nguyễn Mai Anh	10/12/2003	Nữ	Hà Nội	3.77	Xuất sắc	
8	21040153	Nguyễn Ngọc Anh	15/01/2003	Nữ	Thái Bình	2.94	Khá	
9	21040563	Nguyễn Ngọc Bảo Anh	18/09/2003	Nữ	Thái Nguyên	3.54	Giỏi	
10	21041564	Nguyễn Thị Phương Anh	16/10/2003	Nữ	Hải Dương	3.35	Giỏi	
11	21040376	Nguyễn Thị Vân Anh	21/04/2003	Nữ	Hà Nội	3.64	Xuất sắc	
12	21041569	Lưu Ngọc Ánh	25/05/2003	Nữ	Bắc Kạn	3.57	Giỏi	
13	20041140	Nguyễn Hồng Diễm	02/02/2002	Nữ	Hà Nội	3.78	Xuất sắc	
14	21041571	Đỗ Thị Ngọc Diệp	30/09/2003	Nữ	Nam Định	3.62	Xuất sắc	
15	21041574	Đào Thị Thùy Dung	19/10/2003	Nữ	Hải Dương	3.43	Giỏi	
16	21041643	Nguyễn Khánh Dung	26/08/2003	Nữ	Vĩnh Phúc	3.53	Giỏi	
17	21041575	Nguyễn Mỹ Duyên	17/03/2003	Nữ	Nam Định	3.57	Giỏi	
18	21041644	Nguyễn Bạch Dương	24/09/2003	Nữ	Hà Nội	3.63	Xuất sắc	
19	20041142	Nhữ Đình Dương	03/05/2002	Nam	Hải Dương	3.20	Giỏi	
20	20041144	Lê Thành Đạt	28/12/2002	Nam	Hà Nội	3.61	Xuất sắc	
21	21041760	Lê Anh Đức	28/03/1997	Nam	Nghệ An	3.53	Giỏi	
22	20040367	Lê Phương Hà	21/03/2002	Nữ	Vĩnh Phúc	3.71	Xuất sắc	
23	21041582	Lê Thị Thu Hà	21/03/2003	Nữ	Vĩnh Phúc	3.38	Giỏi	
24	21041583	Nguyễn Thị Thái Hà	17/09/2003	Nữ	Ninh Bình	3.49	Giỏi	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
25	21041586	Giang Thị Hải	20/09/2003	Nữ	Hà Nội	3.75	Xuất sắc	
26	21040073	Hồ Thị Lệ Hằng	03/04/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.57	Giỏi	
27	20041649	Phạm Thị Khánh Hiền	18/12/2002	Nữ	Hải Phòng	3.62	Xuất sắc	
28	21041770	Hà Trung Hiếu	27/08/2003	Nam	Cao Bằng	3.36	Giỏi	
29	21041648	Hà Thu Hơ	25/07/2003	Nữ	Lạng Sơn	3.54	Giỏi	
30	21040500	Trịnh Thị Huệ	06/12/2003	Nữ	Bắc Giang	3.66	Xuất sắc	
31	21041592	Đặng Thu Huyền	19/11/2003	Nữ	Bắc Giang	3.56	Giỏi	
32	21041650	Ngô Thanh Huyền	10/05/2003	Nữ	Hà Nội	3.38	Giỏi	
33	21040061	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	25/08/2003	Nữ	Đồng Nai	3.27	Giỏi	
34	21041652	Ứng Thị Thanh Hương	12/05/2003	Nữ	Hưng Yên	3.05	Khá	
35	21041655	Nguyễn Thu Hường	21/09/2003	Nữ	Hải Dương	3.61	Xuất sắc	
36	21040560	Nguyễn Linh Khanh	11/11/2003	Nữ	Hà Nội	3.38	Giỏi	
37	21040439	Mai Lê Gia Khánh	15/12/2003	Nữ	Hà Nội	3.44	Giỏi	
38	21041657	Đặng Ngọc Lan	09/06/2003	Nữ	Hà Nội	3.66	Xuất sắc	
39	21041658	Nguyễn Thị Bích Lan	16/07/2003	Nữ	Vĩnh Phúc	3.05	Khá	
40	21040636	Đinh Diệu Linh	15/10/2003	Nữ	Phú Thọ	3.08	Khá	
41	21041661	Hà Thảo Linh	21/11/2003	Nữ	Phú Thọ	3.29	Giỏi	
42	21041663	Nguyễn Nhật Linh	30/03/2003	Nữ	Yên Bái	3.38	Giỏi	
43	21040275	Nguyễn Phương Linh	13/02/2003	Nữ	Hà Nội	3.30	Giỏi	
44	20041657	Nguyễn Thị Phương Linh	07/12/2002	Nữ	Hà Nội	3.46	Giỏi	
45	21040241	Trần Ngọc Khánh Linh	28/11/2003	Nữ	Tuyên Quang	3.24	Giỏi	
46	21041664	Trần Thị Ngọc Linh	06/11/2003	Nữ	Vĩnh Phúc	3.45	Giỏi	
47	21041599	Trịnh Hiếu Linh	09/12/2003	Nữ	Bắc Giang	3.50	Giỏi	
48	21040069	Lê Phương Ly	14/04/2003	Nữ	Bắc Giang	3.46	Giỏi	
49	21041600	Nguyễn Cẩm Ly	28/05/2003	Nữ	Phú Thọ	3.29	Giỏi	
50	20040762	Nguyễn Thị Hiền Mai	15/09/2002	Nữ	Yên Bái	3.52	Giỏi	
51	21041603	Trương Ngọc Mai	02/12/2003	Nữ	Nam Định	3.14	Khá	
52	21041667	Nguyễn Hà Trà My	12/02/2003	Nữ	Tuyên Quang	3.49	Giỏi	
53	21041605	Tạ Tổ Nga	02/07/2003	Nữ	Hà Nội	3.63	Xuất sắc	
54	21041671	Nguyễn Thị Kim Ngân	18/12/2003	Nữ	Hải Phòng	3.50	Giỏi	
55	21040605	Bùi Thị Ngoan	06/03/2003	Nữ	Hải Phòng	3.82	Xuất sắc	
56	21040171	Đỗ Phương Nguyên	16/05/2003	Nữ	Ninh Bình	3.52	Giỏi	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
57	21041607	Nguyễn Ánh Nguyệt	02/08/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.54	Giỏi	
58	21041608	Nguyễn Minh Nguyệt	20/12/2003	Nữ	Bắc Giang	3.51	Giỏi	
59	21041610	Dương Thị Hà Nhi	28/05/2003	Nữ	Thái Bình	3.54	Giỏi	
60	20041663	Phạm Thị Nhi	08/09/2002	Nữ	Hải Dương	3.66	Xuất sắc	
61	21040105	Phạm Thị Cẩm Nhung	31/05/2003	Nữ	Nghệ An	3.49	Giỏi	
62	21041611	Đặng Quỳnh Như	25/06/2003	Nữ	Hà Nội	3.54	Giỏi	
63	21041677	Nguyễn Thị Mỹ Ninh	30/09/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.59	Giỏi	
64	21041613	Nguyễn Thị Tú Oanh	22/06/2003	Nữ	Bắc Giang	3.56	Giỏi	
65	20040978	Nguyễn Hồng Phúc	22/06/2002	Nữ	Hà Nam	3.45	Giỏi	
66	21040167	Nguyễn Thị Thu Phương	23/02/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.15	Khá	
67	21041614	Đinh Phương Quỳnh	25/09/2003	Nữ	Hà Nội	3.57	Giỏi	
68	21041615	Hoàng Ngọc Quỳnh	21/06/2003	Nữ	Lai Châu	3.56	Giỏi	
69	21041616	Phạm Thị Ngọc Tâm	09/12/2003	Nữ	Nam Định	3.62	Xuất sắc	
70	21041617	Phùng Thị Tâm	20/05/2003	Nữ	Hà Nội	3.34	Giỏi	
71	21041682	Phùng Thị Thanh Tâm	21/06/2003	Nữ	Vĩnh Phúc	3.58	Giỏi	
72	20041224	Nguyễn Phương Thảo	25/03/2002	Nữ	Hà Nội	3.83	Xuất sắc	
73	20041227	Phạm Thị Phương Thảo	07/06/2002	Nữ	Hải Dương	3.71	Xuất sắc	
74	21041618	Tiêu Thị Thảo	05/09/2003	Nữ	Hà Nam	3.31	Giỏi	
75	21041686	Trịnh Phương Thảo	16/11/2003	Nữ	Phú Thọ	3.47	Giỏi	
76	21041620	Bùi Thị Hồng Thắm	16/01/2003	Nữ	Hà Nội	3.43	Giỏi	
77	21041687	Phạm Minh Thu	13/11/2003	Nữ	Thái Bình	3.61	Xuất sắc	
78	21041622	Trần Thị Thanh Thủy	26/10/2003	Nữ	Hà Nam	3.38	Giỏi	
79	21041688	Nguyễn Thị Thúy	23/09/2000	Nữ	Trung Quốc	3.72	Xuất sắc	
80	21041689	Phan Phương Thúy	17/12/2003	Nữ	Nam Định	3.44	Giỏi	
81	21041690	Trương Thị Diệu Thúy	11/04/2003	Nữ	Hà Tĩnh	3.49	Giỏi	
82	21041624	Nguyễn Ngọc Minh Thu	24/04/2003	Nữ	Hà Nội	3.29	Giỏi	
83	21041625	Nguyễn Thị Kim Thu	23/11/2003	Nữ	Hà Nội	3.39	Giỏi	
84	20041674	Nguyễn Thị Thanh Thương	01/04/2002	Nữ	Hà Nam	3.30	Giỏi	
85	21041627	Lê Ngọc Trà	12/10/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.29	Giỏi	
86	20041230	Bùi Quỳnh Trang	27/08/2002	Nữ	Nghệ An	3.69	Xuất sắc	
87	21041629	Lê Thị Trang	01/03/2002	Nữ	Thanh Hóa	3.64	Xuất sắc	
88	21041630	Mã Thị Kiều Trang	27/02/2003	Nữ	Tuyên Quang	3.49	Giỏi	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
89	21041695	Nguyễn Thị Hà Trang	22/05/2003	Nữ	Quảng Ninh	3.52	Giỏi	
90	21041696	Nguyễn Thị Kiều Trang	07/07/2003	Nữ	Tuyên Quang	3.27	Giỏi	
91	21041631	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	14/04/2003	Nữ	Thái Nguyên	3.26	Giỏi	
92	21041632	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	01/07/2003	Nữ	CH Ba Lan	3.75	Xuất sắc	
93	21040259	Phạm Vương Quỳnh Trang	12/08/2003	Nữ	Hải Dương	3.10	Khá	
94	21040284	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	25/10/2003	Nữ	Vĩnh Phúc	3.34	Giỏi	
95	20041680	Nguyễn Ngọc Tường Vy	29/01/2002	Nữ	Thái Bình	3.59	Giỏi	
96	21041636	Đỗ Thị Hải Yến	02/03/2003	Nữ	Hà Nội	3.63	Xuất sắc	
97	20041247	Lý Thị Yến	21/10/2002	Nữ	Bắc Giang	3.73	Xuất sắc	

Danh sách gồm: 97 sinh viên

Hà Nội, Ngày 20 tháng 6 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT TP ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 3168 ngày 20/06/2025)

Khóa: QH.2021.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ ẢRập

Mã ngành đào tạo: 7220211

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	20041252	Nguyễn Thị Lan Anh	23/10/2002	Nữ	Hải Dương	3.58	Giỏi	
2	21041702	Nguyễn Thị Minh Diệp	16/12/2003	Nữ	Hà Nam	3.44	Giỏi	
3	21041758	Lê Tăng Dương	14/06/1992	Nam	Hà Nội	2.50	Khá	
4	21041756	Trần Đại Dương	06/03/1991	Nam	Hà Nam	3.77	Xuất sắc	
5	20041259	Vũ Đại Đắc	26/11/2002	Nam	Phú Thọ	2.62	Khá	
6	21041704	Đào Thu Hà	18/11/2003	Nữ	Hà Giang	2.94	Khá	
7	21041708	Đỗ Thị Khánh Huyền	11/09/2003	Nữ	Bắc Giang	3.44	Giỏi	
8	21041709	Nguyễn Lê Khánh Huyền	16/12/2003	Nữ	Đồng Nai	3.89	Xuất sắc	
9	21041769	Nguyễn Hữu Hưng	24/08/1985	Nam	Hà Nội	3.28	Giỏi	
10	21041714	Phạm Ngọc Nam	05/11/2001	Nam	Hà Nội	3.66	Xuất sắc	
11	20041689	Đặng Thị Diễm Quỳnh	02/02/2002	Nữ	Tp Hồ Chí Minh	3.91	Xuất sắc	
12	21041735	Nguyễn Thị Minh Tâm	03/11/2003	Nữ	Nam Định	3.07	Khá	
13	21041761	Phù Văn Thuận	05/01/1996	Nam	Bắc Giang	2.33	Trung Bình	

Danh sách gồm: 13 sinh viên

Hà Nội, Ngày 20 tháng 6 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT TP ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC


Nguyễn Quỳnh Hoa